



## GRAMMAR

**I. Modal verb Must (Động từ tình thái)**

## 1. Form:

(+)	S + must + V (bare infinitive)
(-)	S + must not + V (bare infinitive)

## 2. Usage:

**Must:** diễn tả sự cần thiết hoặc bắt buộc, hoặc bốn phận trách nhiệm phải làm ở hiện tại và tương lai.

**Ex:** I must finish my homework before going to bed.

*Tôi phải hoàn thành bài tập trước khi đi ngủ.* (Trách nhiệm)

You must slow down when the light yellow.

*Bạn phải giảm tốc độ khi đèn vàng.* (Bắt buộc)

**Must not (Mustn't):** không được phép

**Ex:** You mustn't turn right.

*Bạn không được phép rẽ phải.* (Bắt buộc)

You mustn't come late.

*Bạn không được đến muộn.* (Trách nhiệm)

**II. Countable and uncountable nouns****a. Countable nouns**

- Danh từ đếm được để chỉ những gì có thể đếm được: một, hai, ba, bốn, ...
- Có thể dùng **a/an** và số đếm trước danh từ đếm được.
- Danh từ đếm được tồn tại ở hai dạng: số ít và số nhiều.
- Để chuyển danh từ từ dạng số ít sang dạng số nhiều, ta thêm **s/ es** vào sau danh từ ấy.

*Ví dụ:*

A book

Two chairs

*Một cuốn sách*

*Hai cái ghế*

Five people

10 women

*Năm người*

*10 người phụ nữ*

**b. Uncountable nouns**

- Danh từ không đếm được chỉ những gì không thể đếm được, những cái mang tính trừu tượng

- Không thể dùng **a/ an** và số đếm trước danh từ không đếm được.
- Động từ chia sau danh từ không đếm được luôn luôn ở dạng số ít.

*Ví dụ:*

Bread	Cream	Nature	Weather
<i>Bánh mì</i>	<i>Kem</i>	<i>Thiên nhiên</i>	<i>Thời tiết</i>

#### c. A/ an/ some/ any

- **a/an** (một) chỉ được dùng để chỉ số lượng cho danh từ đếm được, trong khi **some/any** (một vài) được dùng để chỉ số lượng cho cả danh từ đếm được và không đếm được.

<b>COUNTABLE NOUNS</b>		
<b>Singular</b>		<b>Plural</b>
(+)	There is a pen.	There are some books.
(-)	There isn't an engineer.	There aren't any pictures.
(?)	Is there an Egg?	Are there any pencils?
<b>UNCOUNTABLE NOUNS</b>		
(+)	There is some bread.	
(-)	There isn't any milk.	
(?)	Is there any water?	

#### d. Question word: **How much** and **How many**

Ta sử dụng **How much** cho danh từ không đếm được và **How many** cho danh từ đếm được.

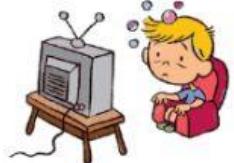
*Ví dụ:*

How many meals do you have every day?

How much water would you like to drink?

**Task 1: must or mustn't.**

**I. Complete the sentences with *must* or *mustn't*.**

	1. You _____ see a doctor.
	2. You _____ eat in class.
	3. You _____ be late for school.
	4. You _____ eat fruit and vegetables.
	5. You _____ eat fast food too often.
	6. You _____ do your homework.
	7. You _____ watch TV a lot.
	8. You _____ put litter in the bin.
	9. We _____ be polite to our teachers.
	10. We _____ talk loudly in the library.

## II. Complete the sentences with **must** or **mustn't**.

1. She is ill, so she \_\_\_\_\_ see the doctor.
2. It is raining. You \_\_\_\_\_ take your umbrella.
3. You \_\_\_\_\_ throw litter on the stairs.
4. This is a secret. You \_\_\_\_\_ tell anybody.
5. You \_\_\_\_\_ make noise in the library.
6. We \_\_\_\_\_ hurry or we will miss the bus.
7. The baby is sleeping. You \_\_\_\_\_ shout.
8. You \_\_\_\_\_ be friendly to everybody.
9. They \_\_\_\_\_ walk on the grass.
10. You \_\_\_\_\_ light fires in the forest.

## III. Write sentences with **must** or **mustn't**, using the words given in brackets.

1. It is raining heavily. (you/ wear your raincoat) *You must wear your raincoat.*  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
2. Jane is not feeling well. (she/ go to the doctor)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
3. The baby is sleeping. (you/ shout)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
4. This is a secret. (you/ tell the others)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
5. The sign says 'NO PARKING' (we/ park here)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
6. This vase is very dirty. (I/ clean it soon)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
7. This is a non-smoking area. (he/ smoke in this area)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_
8. There is a 'STOP' sign ahead. (we/ stop)  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

## Task 2. a/ an/ any/ some/ much/ many:

### I. Fill in the blanks with **a, an, some or any**.

1. Have you got \_\_\_\_\_ potatoes?
2. I'd like \_\_\_\_\_ bread, and \_\_\_\_\_ piece of cheese, please.
3. For breakfast, I have \_\_\_\_\_ ham sandwich and \_\_\_\_\_ orange juice.
4. Here are \_\_\_\_\_ cereals, but there isn't \_\_\_\_\_ milk.
5. Would you like \_\_\_\_\_ beer or would you prefer \_\_\_\_\_ bottle of Coke?
6. Is there \_\_\_\_\_ rice left? ~ I'm afraid there isn't \_\_\_\_\_ rice left, but you can have \_\_\_\_\_ noodles instead.
7. There aren't \_\_\_\_\_ bananas, but there is \_\_\_\_\_ apple and \_\_\_\_\_ grapes.
8. I want \_\_\_\_\_ jam and \_\_\_\_\_ butter for my toast.
9. Can I have \_\_\_\_\_ sausages and \_\_\_\_\_ omelette with fries on the side, please?
10. My father always has \_\_\_\_\_ biscuit and \_\_\_\_\_ cup of tea at bedtime.

## II. Complete the sentences with *How much* or *How many*

1. \_\_\_\_\_ grams of sugar per day should we consume?
2. \_\_\_\_\_ bread do we need?
3. \_\_\_\_\_ coffee do you drink in a day?
4. \_\_\_\_\_ steaks do you want?
5. \_\_\_\_\_ meat do we need for the barbecue tonight?
6. \_\_\_\_\_ bottles of orange juice have you had today?
7. \_\_\_\_\_ hamburgers did he eat?
8. \_\_\_\_\_ cream would you like in your coffee?
9. \_\_\_\_\_ potatoes are there in the basket?
10. \_\_\_\_\_ rice can I put in the soup?

### Task 3. Give the correct form of the word given to complete the sentences.

1. A trip to Fan Si Pan is an _____ experience.	(FORGET)
2. You can watch _____ when you visit Sa Pa.	(TRADITION)
3. Many visitors think that the greatest _____ in Hue is _____ temples.	(ATTRACT)
4. You must take an umbrella because it's _____ in Mui Ne at this time of year.	(RAIN)
5. Hue is near Da Nang, but it's more _____ than Da Nang.	(INTEREST)
6. Children are allowed much more _____ these days.	(FREE)
7. He's been _____ for the past six months	(JOB)
8. A group of _____ people set up camp in the field.	(TRAVEL)
9. The Great Wall of China is the world's _____ structure.	(LONG)
10. Is Quang Ninh a _____ province?	(MOUNTAIN)

### Task 4: There is one mistake in each sentence. Underline and correct the mistake.

Sentences	Correction
1. How many orange juice have you had today?	
2. Are there some eggs in the fridge?	
3. Would you like a cheese with your pasta?	
4. Salt is one of important ingredient for almost dishes.	
5. Can you buy some breads on your way home?	
6. What do you usually have in breakfast?	
7. Vietnamese eat more instant noodles to Japanese.	
8. How many glass of water should you drink per day?	
9. The song isn't as boring so she thought, and she really likes it.	
10. He wasn't at home yesterday morning because he saw in the park yesterday.	